TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HN** **TỈNH NA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 17/2022/HNGĐ-ST Ngày 01 - 7 - 2022 V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HN, TỈNH NA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phan Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Phú Anh Tài;

2. Ông Nguyễn Trọng Dư;

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Oanh, cán bộ Toà án nhân dân huyện HN.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Giang - kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện HN xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 23/2022/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh NVT; Sinh năm: 1987; Địa chỉ ĐKHKTT: xóm Long Giang (Nay là xóm 6), xã XL, huyện HN, tỉnh NA. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị VTT; Sinh năm: 1983; Địa chỉ ĐKHKTT: xóm Long Giang (Nay là xóm 6), xã XL, huyện HN, tỉnh NA. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 12 tháng 3 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án *nguyên đơn anh NVT trình bày:*

Anh NVT và chị VTT kết hôn với nhau ngày 05 tháng 7 năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã HL (Nay là UBND xã XL), huyện HN, huyện HN, tỉnh NA. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung

sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm không còn. Đến năm 2020 vợ chồng sống ly thân. Đến nay, thời gian sống ly thân đã 02 năm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên anh NVT viết đơn xin ly hôn với chị VTT để giải phóng cho nhau. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là NQĐ; sinh ngày 08 tháng 2 năm 2019 và NQA; sinh ngày 28 tháng 7 năm 2020, Nguyện vọng của anh T khi ly hôn là mong muốn được nuôi dưỡng 02 con hoặc 01 con, không yêu cầu chị VTT cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và các khoản nợ: anh NVT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên Tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không hợp tác, không tham gia các buổi hòa giải được Tòa án triệu tập. Do các bên không hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, cho anh NVT được ly hôn chị VTT, Giao con chung là NQĐ; sinh ngày 08 tháng 2 năm 2019 cho anh NVT trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là cháu NQA; sinh ngày 28 tháng 7 năm 2020 cho chị VTT trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị VTT và anh NVT. Buộc Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn chị VTT hộ khẩu thường trú tại xóm Long Giang, xã XL, huyện HN, tỉnh NA. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện HN

thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản cho bị đơn là chị VTT nhưng chị T không có yêu cầu phản tố, không hợp tác, không tham gia các buổi hòa giải được Tòa án triệu tập. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh NVT và chị VTT đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 7 năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Lam (nay là xã XL), huyện HN, tỉnh NA. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không có sự ép buộc và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8 luật Hôn nhân và gia đình. Đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Qua lời khai của anh T và qua kết quả xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn của anh NVT và chị VTT đã đến mức trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ giữa vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn với chị VTT như đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay.

[3]. *Về con chung:* Anh NVT và chị VTT có hai con chung là NQĐ; sinh ngày 08 tháng 2 năm 2019 và NQA; sinh ngày 28 tháng 7 năm 2020.

Nguyên đơn anh NVT có nguyện vong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng một hoặc hai con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng nuôi con chung của anh T là chính đáng. Hiện tại, cháu NQĐ đã trên 03 tuổi. Cháu NQA còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi). Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt cho các con chung và để đảm bảo quyền lợi cho cả anh T và chị Tiệp. Hơn nữa, để giảm áp lực về kinh tế cho cả anh T và chị Tiệp, Toà giao con chung là NQĐ cho anh T, giao con chung là NQA cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh NVT và chị VTT không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh NVT và chị VTT.

[4]. *Tài sản và các khoản nợ:* Anh NVT và chị VTT không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[5].*Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc Nguyên đơn anh NVT phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh NVT được ly hôn với chị VTT.

Về con chung: Giao con chung là NQĐ; sinh ngày 08 tháng 2 năm 2019 cho anh NVT trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Giao con chung là NQA; sinh ngày 28 tháng 7 năm 2020 cho chị VTT trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh NVT và chị VTT.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom
con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung thì các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Buộc anh NVT phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan Thi hành án Dân sự huyện HN theo biên lai thu tiền số 0003901 ngày 15 tháng 3 năm 2022 (Anh NVT đã nộp đủ)

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại

phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh NA;
- VKSND huyện HN;
- THA DS huyện HN
- Đương sự;
- UBND xã XL;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phan Hương